



CN Công ty Cổ phần Dịch vụ  
Bưu chính Viễn thông Sài Gòn  
Trung Tâm Điện Thoại SPT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mã KH:.....  
Mã HĐ:.....  
Mã TSL: .....  
Ngày: .....

## HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET TRỰC TIẾP

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Viễn thông số 41/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ yêu cầu và khả năng của hai Bên.

**BÊN A:** .....  
Địa chỉ liên lạc: .....  
Địa chỉ gửi thông báo cước: .....  
Địa chỉ ghi hóa đơn: .....  
Địa chỉ gửi hóa đơn: .....  
Điện thoại liên lạc: ..... Fax: .....  
Mã số thuế: .....  
Số tài khoản: .....  
Đại diện: ..... Chức vụ: .....

**BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN - TRUNG TÂM ĐIỆN THOẠI SPT (STC)**  
Địa chỉ: số 90 Đường số 8, KDC Trung Sơn, X.Bình Hưng, H.Bình Chánh, TP.HCM  
Điện thoại: (028) 54456868 Fax: (028) 54040507  
Mã số thuế: 0300849034-001  
Số tài khoản: 188.237.689 Tại: Ngân hàng TMCP Á Châu – Hội Sở TP.HCM  
Đại diện: Ông **PHAN HẢI HÀ** Chức vụ: **Giám đốc**

Cùng thỏa thuận ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet trực tiếp (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

### ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

**1.1** Bên A yêu cầu và Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ Internet trực tiếp. Cụ thể như sau:

Tiêu chuẩn/Loại đường truyền	Tốc độ (Mbps)	Nơi sử dụng dịch vụ (Bên A)
Leased-line Internet	..... Mbps trong nước,..... Mbps quốc tế	

## ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

2.1 **Giá trị Hợp đồng:** cước thuê công truy nhập dịch vụ Internet trực tiếp tốc độ .....Mbps trong nước, .....Mbps quốc tế:

### 2.1.1 Cước phí lắp đặt ban đầu (thanh toán một lần):

STT	Khoản mục	Cước phí (VNĐ)
1	Phí Lắp đặt ban đầu	
2	Thuế GTGT (10%)	
3	<b>Tổng cộng</b>	
<i>(Bằng chữ:.....)</i>		

### 2.1.2 Cước phí thuê dịch vụ hàng tháng:

STT	Khoản mục	Cước phí (VNĐ/tháng)
1	Phí thuê dịch vụ đường Internet trực tiếp hàng tháng	
2	Thuế GTGT (10%)	
3	<b>Tổng cộng</b>	
<i>( Bằng chữ: ..... đồng )</i>		

## 2.2 Thanh toán

### 2.2.1 Hình thức thanh toán

Tiền mặt       Chuyển khoản

### 2.2.2 Phương thức thanh toán :

- Cước phí lắp đặt: Bên A thanh toán cho Bên B chi phí thiết lập ban đầu ngay sau khi hai Bên ký Hợp đồng.
- Cước phí thuê dịch vụ: trong vòng 05 (năm) ngày đầu của mỗi kỳ thanh toán, Bên A thanh toán cho Bên B cước phí thuê dịch vụ được quy định tại Điều 2, khoản 2.1.2 của Hợp đồng này (tính từ ngày nghiệm thu kỹ thuật).
- Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho Bên A sau khi Bên A thanh toán cước phí lắp đặt và phí thuê dịch vụ.
- Bên A sẽ chịu mọi chi phí liên quan đến việc thanh toán này cho Bên B.
- Phân giảm trừ cước quy định tại Điều 4.2.7 Hợp đồng này (nếu có) sẽ được trừ vào kỳ thanh toán liền kề sau đó.
- Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B, thì cứ mỗi ngày chậm thanh toán, Bên A phải chịu thêm lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán trên số tiền chậm thanh toán.

## ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A

### 3.1 Quyền của Bên A:

- Được Bên B cung cấp dịch vụ theo đúng quy định tại Hợp đồng này.
- Được hưởng chính sách giảm cước của Bên B (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Được khiếu nại về cước phí, chất lượng dịch vụ, hay các vi phạm khác của Bên B trong thời hạn sáu (6) ngày kể từ ngày nhận được thông báo cước, ngày sử dụng dịch vụ, hoặc thời điểm xảy ra vi phạm.

- 3.1.4 Được giảm trừ cước như quy định tại Hợp đồng này.
- 3.1.5 Yêu cầu Bên B thay đổi tốc độ đường truyền, chuyển quyền sử dụng dịch vụ, di dời đường truyền... nếu nằm trong khả năng cung cấp của Bên B.
- 3.1.6 Đơn phương chấm dứt Hợp đồng như quy định tại Điều 6 Hợp đồng này.

### **3.2 Nghĩa vụ của Bên A:**

- 3.1.7 Ký Biên bản nghiệm thu kỹ thuật cho Bên B trong vòng hai (2) ngày kể từ ngày Bên B hoàn thành việc cài đặt, mở dịch vụ Internet trực tiếp cho Bên A. Nếu quá hai (2) ngày mà Bên A không ký Biên bản, và cũng không có lý do, hay ý kiến gì, thì mặc nhiên xem như Bên A đã nghiệm thu hoàn thành.
- 3.1.8 Sử dụng dịch vụ Internet theo đúng quy định của pháp luật.
- 3.1.9 Chịu trách nhiệm về mọi thông tin, hình ảnh do Bên A cũng cấp, truyền tải..., lên Internet, và/hoặc việc sử dụng dịch vụ của Bên A.
- 3.1.10 Gửi văn bản cho Bên B trước mười (10) ngày, và thực hiện các thủ tục, cũng như thanh toán các chi phí có liên quan cho Bên B theo quy định nếu có các yêu cầu sau:
  - a. Thay đổi địa điểm nhận hóa đơn cước; và/hoặc
  - b. Chuyển quyền sử dụng dịch vụ, và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B; và/hoặc
  - c. Thay đổi tốc độ đường truyền; và/hoặc
  - d. Di dời đường truyền.
- 3.1.11 Thanh toán cước phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này cho Bên B, kể cả trong thời gian chờ giải quyết khiếu nại.
- 3.1.12 Tạo điều kiện cho Bên B kiểm tra việc tuân thủ các quy định hiện hành về sử dụng Internet của Bên A.
- 3.1.13 Phối hợp, và tạo điều kiện cho Bên B trong việc cài đặt Internet tại trụ sở của Bên A; Cung cấp các thông tin cần thiết cho Bên B để thực hiện các công việc đo kiểm, kiểm tra chất lượng dịch vụ.
- 3.1.14 Không được sử dụng đường truyền để kinh doanh lại dưới bất kỳ hình thức nào.
- 3.1.15 Tự trang bị thiết bị đầu cuối phù hợp với đường truyền và thiết bị của Bên B. Các thiết bị đầu cuối của Bên A phải đảm bảo các điều kiện theo quy định đấu nối, hòa mạng, và khai thác của Bộ Thông tin và Truyền thông.
- 3.1.16 Tự bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị đầu cuối của Bên A, và không được gây ảnh hưởng đến mạng lưới, cũng như hoạt động của Bên B.
- 3.1.17 Trong trường hợp có sự cố về dịch vụ: đứt kết nối, kết nối với tốc độ thấp hơn tốc độ quy định trong Hợp đồng, thì Bên A sẽ liên hệ trực tiếp với bộ phận chăm sóc khách hàng của Bên B theo số điện thoại sau: **1800\_7116** để yêu cầu giải quyết.

## **ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B**

### **4.1 Quyền của Bên B:**

- 4.1.1 Được Bên A thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.1.2 Tạm ngừng cung cấp dịch vụ, và/hoặc đơn phương chấm dứt Hợp đồng như quy định tại Điều 5 và Điều 6 Hợp đồng này.
- 4.1.3 Được miễn trừ mọi trách nhiệm đối với hậu quả phát sinh từ những thông tin, hình ảnh... mà Bên A đưa lên, truyền tải trên Internet, và/hoặc từ việc sử dụng dịch vụ của Bên A.
- 4.1.4 Đảm bảo quyền được thanh toán trong mọi trường hợp.

4.1.5 Kiểm tra định kỳ, và/hoặc đột xuất việc tuân thủ các quy định của pháp luật về việc sử dụng dịch vụ Internet của Bên A.

#### **4.2 Nghĩa vụ của Bên B:**

4.2.1 Cung cấp, và cài đặt các dịch vụ cho Bên A theo đúng Điều 1 Hợp đồng này, và tiến hành bàn giao kênh chậm nhất là 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày hai Bên ký Hợp đồng và Bên A thanh toán phí lắp đặt.

4.2.2 Nếu xảy ra sự cố gây mất liên lạc dịch vụ mà nguyên nhân do lỗi của Bên B, thì Bên B có trách nhiệm sửa chữa, và khắc phục sự cố trong vòng sáu (6) giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A. Tất cả chi phí phát sinh này sẽ do Bên B chịu.

4.2.3 Trường hợp có thay đổi lớn như loại bỏ cáp, đào đường, đặt cáp ngầm theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền..., thì Bên B sẽ thông báo cho Bên A ít nhất trước 07 (bảy) ngày để hai Bên sắp xếp.

4.2.4 Thông báo cho Bên A nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về giá cước trong thời gian hiệu lực của Hợp đồng. Chính sách giảm giá (nếu có) sẽ được áp dụng trực tiếp cho Hợp đồng này.

4.2.5 Hỗ trợ kỹ thuật, và hướng dẫn Bên A sử dụng dịch vụ do Bên B cung cấp trong suốt quá trình hiệu lực của Hợp đồng.

4.2.6 Giải quyết khiếu nại của Bên A (nếu có).

4.2.7 Trường hợp mất liên lạc do lỗi của Bên B (thời gian mất liên lạc tính từ lúc Bên A thông báo cho Bên B, Bên B kiểm tra, xác nhận mất liên lạc đến lúc Bên B khắc phục sự cố, xác lập hoạt động trở lại của kênh mất liên lạc cho Bên A, thông báo lại cho Bên A thời gian chính thức liên lạc được xác lập trở lại để hai Bên cùng xác nhận), thì Bên B có trách nhiệm khấu trừ phần cước phí được giảm cho Bên A ngay trong tháng kế tiếp.

Phần cước giảm = (cước thuê bao và thuê số / (30 ngày x 24 giờ) x số giờ mất liên lạc).

#### **ĐIỀU 5: TẠM NGỪNG VÀ KHÔI PHỤC DỊCH VỤ**

**5.1 Tạm ngừng dịch vụ:** Bên B được tạm ngừng cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ cho Bên A, nhưng phải thông báo bằng văn bản cho Bên A ít nhất trước 03 (ba) ngày (trừ trường hợp quy định tại khoản 5.1.7 Điều này) nêu:

**5.1.1** Bên A chậm thanh toán cho Bên B quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán.

**5.1.2** Bên A vẫn tiếp tục sử dụng các thiết bị đầu cuối, mạng nội bộ không đúng tiêu chuẩn, quy cách sử dụng sau khi đã được Bên B thông báo, nhắc nhở và để ảnh hưởng đến chất lượng mạng lưới.

**5.1.3** Bên A kinh doanh lại các dịch vụ do Bên B cung cấp khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên B.

**5.1.4** Bên A tự ý chuyển quyền sử dụng, di dời thiết bị của Bên B mà không thực hiện đúng các thủ tục cần thiết theo hướng dẫn của Bên B.

**5.1.5** Bên B tổ chức nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới thiết bị, đường truyền theo kế hoạch.

**5.1.6** Do các nguyên nhân bất khả kháng xảy ra.

**5.1.7** Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

**5.2 Khôi phục dịch vụ:** việc tạm ngừng dịch vụ theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp đồng sẽ được Bên B khôi phục lại trong thời gian không quá 06 (sáu) giờ đối với sự kiện bất khả kháng chấm dứt, và/hoặc kể từ khi Bên B hoàn tất việc nâng cấp, tu bổ, sửa chữa mạng lưới thiết bị, đường truyền, và/hoặc kể từ khi Bên A thông báo

bằng văn bản cho Bên B về việc đã hoàn tất các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của Bên B và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

## **ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

- 6.1** Hợp đồng này sẽ chấm dứt sau khi hết thời hạn quy định tại Điều 10.2 dưới đây và hai Bên không còn nghĩa vụ gì với nhau, hoặc hai Bên không có tranh chấp, hay khiếu nại gì.
- 6.2** Hợp đồng này chỉ chấm dứt trước thời hạn trong các trường hợp sau:
  - 6.2.1 Do hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng. Khi đó, các Bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản trước bảy (07) ngày kể từ ngày dự kiến chấm dứt.
  - 6.2.2 Một Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng do Bên còn lại vi phạm nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này mà vẫn không khắc phục trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được thông báo yêu cầu thực hiện đúng Hợp đồng của Bên bị vi phạm.
  - 6.2.3 Do trường hợp bất khả kháng.
- 6.3** Sau khi chấm dứt Hợp đồng, mọi khoản nợ giữa hai Bên vẫn phải được thanh toán đầy đủ. Việc thanh lý Hợp đồng khi đó sẽ được các Bên thỏa thuận, và thống nhất bằng văn bản.

## **ĐIỀU 7: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

Trường hợp một Bên vi phạm các điều khoản của Hợp đồng (Bên vi phạm), thì ngoài việc phải bồi thường các thiệt hại xảy ra cho Bên bị vi phạm, Bên vi phạm còn phải chịu một khoản tiền phạt không quá tám phần trăm (8%) giá trị phần nghĩa vụ Hợp đồng bị vi phạm cho Bên bị vi phạm.

## **ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG**

- 8.1** Bất khả kháng là bất kỳ hoàn cảnh, tình huống nào phát sinh vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý của các Bên, khiến một Bên (Bên bị ảnh hưởng) không thể thực hiện được một phần, hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này. Bất khả kháng bao gồm nhưng không chỉ giới hạn bởi các trường hợp sau: hỏa hoạn, thiên tai, chiến tranh (kể cả nội chiến), bãi công, tranh chấp lao động, chính sách của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 8.2** Bên bị ảnh hưởng được xem là không thể thực hiện một phần, hoặc toàn bộ nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng như quy định tại khoản 8.1 Điều này khi hội đủ các điều kiện sau đây:
  - 8.2.1 Trường hợp bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp gây ra trở ngại, hoặc cản trở Bên bị ảnh hưởng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng.
  - 8.2.2 Bên bị ảnh hưởng đã hết sức cố gắng để tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, hoặc cố gắng làm giảm, hoặc tránh thiệt hại gây ra đối với Bên kia.
  - 8.2.3 Bên bị ảnh hưởng đã thông báo bằng văn bản cho Bên kia biết về mọi thông tin liên quan đến sự kiện bất khả kháng trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ khi xảy ra trường hợp bất khả kháng đó. Văn bản thông báo này phải nêu rõ nguyên nhân trì hoãn, hoặc không thể thực hiện được toàn bộ, hay một phần nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng, và phải có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 8.3** Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng như quy định tại khoản 8.1 và 8.2 nêu trên, thì các Bên có thể thỏa thuận gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng bằng đúng khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng, và sửa đổi nội dung Hợp đồng cho phù hợp với thời điểm hiện tại để mỗi Bên có thể thực hiện được toàn bộ nghĩa vụ đã quy

định trong Hợp đồng. Trường hợp hai Bên không đạt được thỏa thuận, thì bất kỳ Bên nào cũng đều có quyền chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất cứ hình thức chế tài nào.

#### **ĐIỀU 9: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- 9.1** Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp, thì hai Bên sẽ cùng bàn bạc để tìm cách giải quyết trên tinh thần bình đẳng, hợp tác, đôi Bên cùng có lợi. Trường hợp không đạt được thỏa thuận, thì một trong hai Bên đều có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi bị đơn có trụ sở chính giải quyết. Phán quyết của Tòa có giá trị thi hành đối với các Bên. Ân phí do Bên có lỗi chịu.
- 9.2** Luật Việt Nam được áp dụng để giải quyết các tranh chấp này.

#### **ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 10.1** Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp đồng phải được lập thành văn bản có chữ ký xác nhận của Đại diện có thẩm quyền của hai Bên. Các văn bản này (nếu có) là một phần không thể tách rời của Hợp đồng.
- 10.2** Hợp đồng này có thời hạn 01 (một) năm tính từ ngày có hiệu lực. Trong vòng ba mươi (30) ngày trước khi hết thời hạn này, nếu không Bên nào có văn bản yêu cầu chấm dứt Hợp đồng, thì Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn theo từng năm một.
- 10.3** Hợp đồng này bao gồm 06 (sáu) trang và được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**PHAN HẢI HÀ**